

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2023/DS-PT
Ngày: 01-3-2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hui"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán:

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2022/TLPT-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hui".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Từ Thị H, sinh năm 1958;

2. Ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, ông D: Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1964 (theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2022) (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã L, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Từ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông là hội viên, có tham gia 15 dây hội do bà H, ông D làm chủ hội, cụ thể các dây hội như sau:

1. Dây hội khai ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 15 lần với số tiền 15.000.000 đồng (ký hiệu dây 18D).

2. Dây hội khai ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 23 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 15 lần với số tiền là 15.000.000 đồng (ký hiệu dây 20D).

3. Dây hội khai ngày 02/02/2018 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 24 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 15 lần với số tiền là 15.000.000 đồng (ký hiệu dây 21D).

4. Dây hội khai ngày 05/02/2019 âm lịch, hội mùa 01 năm khai 04 lần, hội 3.000.000 đồng, có 22 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 11 lần với số tiền là 33.000.000 đồng (ký hiệu dây 28D).

5. Dây hội khai ngày 10/8/2019 âm lịch, hội mùa 03 tháng khai 01 lần, hội 1.000.000 đồng, có 19 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 09 lần với số tiền 9.000.000 đồng (ký hiệu dây 1A).

6. Dây hội khai ngày 08/02/2020 âm lịch, hội mùa 01 năm khai 04 lần, hội 3.000.000 đồng, có 23 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 07 lần với số tiền là 21.000.000 đồng (ký hiệu dây hội 2A).

7. Dây hội khai ngày 15/11/2019 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 24 lần với số tiền là 24.000.000 đồng (ký hiệu dây 20B).

8. Dây hội khai ngày 15/4/2020 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 20 lần với số tiền là 20.000.000 đồng (ký hiệu dây 3D).

9. Dây hội khai ngày 15/4/2020 âm lịch, hội 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hội này ông đã đóng tiền hội sống cho bà H đầy đủ là 20 lần với số tiền 20.000.000 đồng (ký hiệu dây 4D).

10. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hụi này ông đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 19 lần với số tiền là 19.000.000 đồng (ký hiệu dây 6D).

11. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hụi này ông đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng (ký hiệu dây 7D).

12. Dây hụi khui ngày 15/6/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hụi này ông đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 17 lần với số tiền 17.000.000 đồng (ký hiệu dây 11D).

13. Dây hụi khui ngày 15/6/2020 âm lịch, hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hụi này ông đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 17 lần với số tiền 8.500.000 đồng (ký hiệu dây 12D).

14. Dây hụi khui ngày 15/7/2020 âm lịch, hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông tham gia 01 phần, dây hụi này ông đã đóng tiền hụi sống cho bà H đầy đủ là 16 lần với số tiền là 8.000.000 đồng (ký hiệu dây 13D)

15. Dây hụi 18B, bà H còn nợ lại ông số tiền 4.060.000 đồng.

Bà H có đưa cho ông số tiền 18.000.000 đồng. Nay do hụi đã bể, bà H không còn tổ chức khui hụi nữa nên ông yêu cầu bà H, ông D phải trả lại cho ông số tiền nợ hụi của 14 dây hụi là 243.500.000 đồng, trừ 18.000.000 đồng, còn lại 225.500.000 đồng + 4.060.000 đồng tiền nợ hụi của dây 18B mà bà H còn nợ lại ông, tổng cộng là 229.560.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Từ Thị H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hùng D trình bày:*

Bà là chủ hụi, ông C có tham gia các dây hụi của bà như sau:

1. Dây hụi khui ngày 02/02/2018 âm lịch, hụi mùa 03 tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000 đồng, có 23 phần, dây hụi này ông C đã đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ là 15 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hụi vốn là 7.690.000 đồng (dây 18D).

2. Dây hụi khui ngày 02/02/2018 âm lịch, hụi mùa 03 tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000 đồng, có 23 phần, ông C có tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đã đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ là 15 lần, bà yêu cầu được trả số tiền hụi vốn là 8.020.000 đồng (dây 20D).

3. Dây hụi khui ngày 02/02/2018 âm lịch, hụi mùa 03 tháng khui 01 lần, hụi 1.000.000 đồng, có 24 phần, ông C có tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà đầy đủ được 15 lần với số tiền vốn là 7.990.000 đồng (dây 21D).

4. Dây hụi khui ngày 05/02/2019 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 3.000.000 đồng, có 22 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống được 11 lần với số tiền vốn là 22.000.000 đồng (dây 28D).

5. Dây hụi khui ngày 10/8/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, hụi mùa 03 tháng khui 01 lần, có 19 phần, ông C có tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống được 9 lần với số tiền hụi vốn là 4.760.000 đồng (dây 1A).

6. Dây hụi khui ngày 08/02/2020 âm lịch, hụi mùa 01 năm khui 04 lần, hụi 3.000.000 đồng, có 23 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống được 07 lần với số tiền hụi vốn là 21.000.000 đồng (dây 2A).

7. Dây hụi khui ngày 15/11/2019 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống được 24 lần với số tiền hụi vốn là 17.160.000 đồng (dây 20B).

8. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 20 lần với số tiền vốn là 13.960.000 đồng (dây 3D).

9. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 20 lần với số tiền hụi vốn là 13.060.000 đồng (dây 4D).

10. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 19 lần với số tiền hụi vốn là 12.815.000 đồng (dây 6D).

11. Dây hụi khui ngày 15/4/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 19 lần với số tiền hụi vốn là 14.340.000 đồng (dây 7D).

12. Dây hụi khui ngày 15/6/2020 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 17 lần với số tiền hụi vốn là 10.695.000 đồng (dây 11D).

13. Dây hụi khui ngày 15/6/2020 âm lịch, hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 17 lần với số tiền hụi vốn là 5.770.000 đồng (dây 12D).

14. Dây hụi khui ngày 15/7/2020 âm lịch, hụi 500.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, có 27 phần, ông C tham gia 01 phần, dây hụi này ông C đóng tiền hụi sống cho bà được 16 lần với số tiền hụi vốn là 5.090.000 đồng (dây 13D).

15. Dây hụi 18B, bà còn nợ lại ông C số tiền 4.060.000 đồng.

Bà có đưa cho ông C số tiền 18.000.000 đồng, nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả tiền hụi vốn của 14 dây hụi là 164.350.000 đồng, cần trừ 18.000.000 đồng, còn lại 146.350.000 đồng + 4.060.000 đồng tiền nợ hụi của dây 18B, tổng cộng là 150.410.000 đồng. Do trước đây lúc bề hụi thì các hụi viên và bà có họp mặt lại và thống nhất cho bà được trả tiền vốn (việc thỏa thuận bằng miệng).

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân

sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ hộ là 229.560.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 20/9/2022, bị đơn bà Từ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả tiền hộ vốn là 143.410.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 143.410.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng: Bà Từ Thị H nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Bị đơn bà Từ Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng cho bà được trả tiền hộ vốn là 143.410.000 đồng, xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết 143.410.000 đồng.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và các bị đơn bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D thống nhất: Ông C tham gia 15 dây hội ký hiệu số 18D, 20D, 21D, 28D, 1A, 2A, 20B, 3D, 4D, 6D, 7D, 11D, 12D, 13D và 18B do bà H, ông D làm chủ thảo, đồng thời thống nhất số lần góp hội của ông C đối với 15 dây hội này; các dây hội đều là hội có lãi (góp hội sống được hưởng tiền hội chết); bà Từ Thị H cam kết chịu trách nhiệm đi gom tiền của các hội viên chưa hốt hội (hội sống) và choàng tiền hội cho các hội viên chậm góp hội (hội chết) nếu những người này chậm thực hiện nghĩa vụ đóng hội để giao tiền cho hội viên hốt hội và nhận tiền hoa hồng của dây hội theo thỏa thuận; số tiền nợ hội của dây hội ký hiệu 18B là 4.060.000 đồng. Đây là các tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Theo điểm b khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường thì các thành viên trong dây hội có nghĩa vụ trả lãi cho các thành viên chưa lĩnh hội khi được lĩnh hội. Như vậy, thực tế, tiền lãi mà các thành viên trong dây hội được nhận là do thành viên lĩnh hội trả, không phải do chủ thảo chi trả. Tuy nhiên, khi có thành viên không góp phần hội của họ khi đến kỳ mở hội thì trách nhiệm của chủ thảo là nộp thay phần hội của thành viên này theo quy định tại khoản 4 Điều 18 và Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

Bà H cho rằng giữa bà và các các hội viên có thỏa thuận chỉ trả vốn nhưng không được phía ông C xác nhận, bà H cũng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét đề nghị trả vốn của bà H.

Mặt khác, bà H và ông D thừa nhận các dây hội là hội có lãi, giữa ông bà và các hội viên có thỏa thuận “góp hội sống được hưởng tiền hội chết”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2022, bà H cũng thừa nhận bà có thỏa thuận với các hội viên là ai kêu hốt được hội thì bà phải trả tiền hội vốn và tiền lãi cho người hốt hội và người hốt hội phải trả cho bà số tiền huê hồng, nay do bà bị nhiều người giật tiền hội nên không có khả năng trả vốn và lãi, bà có xin các hội viên cho bà được hoàn trả vốn, không trả lãi (bút lục 51).

Bà H và ông D tổ chức các dây hội nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông bà trả lãi theo thỏa thuận giữa các bên là phù hợp. Thực tế, việc tính lại lãi suất chênh lệch không nhiều so với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ các dây hội đã bắt đầu khai từ năm 2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Minh T là người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông D trình bày bà H và ông D đồng ý trả lãi nhưng yêu cầu được trả sau khi trả vốn xong cho các hội viên, cụ thể: Hiện nay, vẫn còn một số hội viên góp hội nhưng bà H và ông D không nhận mà đợi làm thủ tục khởi kiện tại Tòa án, sau khi hoàn tất thủ tục khởi kiện, bà H và ông D sẽ sử dụng số tiền nhận được để chi trả các khoản nợ cho các hội viên, sau khi hoàn tất việc trả vốn, ông bà sẽ tiếp tục chi trả tiền lãi. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử phúc

thẩm, bà H và ông D vẫn chưa tiến hành thủ tục khởi kiện những người nợ hụi; hơn nữa, yêu cầu này của bà H và ông D cũng không được phía ông C chấp nhận; do đó, không có cơ sở xem xét yêu cầu này của bà H và ông D.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà Từ Thị H và ông Nguyễn Hùng D là chủ thảo các dây hụi, việc ngưng hụi hoàn toàn là lỗi của bà H và ông D, hơn nữa dù ngưng hụi nhưng bà H và ông D vẫn được trả hoa hồng, do đó bà H và ông D có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi (có lãi) mà ông C được hưởng trong các dây hụi mà ông C đã tham gia, tương ứng với số phần hụi mà ông C đã góp.

[2.3] Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của bà không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các nội dung, quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí phúc thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Từ Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 172/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền nợ hụi là 229.560.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Thực hiện trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Từ Thị H, ông Nguyễn Hùng D chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, ông D.

Hoàn lại ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.739.000 đồng theo biên lai thu số 0016538 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong